

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/DS-ST

Ngày: 23/5/2019.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Đàm Thanh Vũ.

2/. Bà Võ Hân Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tòng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2019/TLST-DS, ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn G, sinh năm 1969 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Số 112, ấp TT, xã LB, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:*

2.1. Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1995 (có mặt tại phiên tòa).

2.2. Anh Đặng Văn U, sinh năm 1989 (có mặt tại phiên tòa).

Cùng địa chỉ: Số 111, ấp TT, xã LB, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Út N, sinh năm 1978 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Số 112, ấp TT, xã LB, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4. *Những người làm chứng:*

4.1 Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1954 (vắng mặt tại phiên tòa).

4.2 Bà Võ Thị C, sinh năm 1954 (có mặt tại phiên tòa).

Cùng địa chỉ: ấp TT, xã LB, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Đặng Văn G trình bày:

Vào ngày 15/5/2018 âm lịch, vợ chồng anh Đặng Văn U và chị Nguyễn Thị Bích H có hỏi vay của ông số tiền 300.000.000 đồng. Tiếp tục đến ngày 20/10/2018 âm lịch, vợ chồng anh U hỏi vay thêm của ông số tiền 300.000.000 đồng. Như vậy, vợ chồng anh U vay của ông tổng số tiền 600.000.000 đồng, việc vay tiền có làm giấy tay, anh U và chị H có ký tên vào giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận khi nào cần tiền thì ông sẽ lấy lại vốn vay. Đến ngày 26/01/2019, ông có nhờ ông Nguyễn Hồng T là Trưởng ban nhân dân ấp Tân Trung xác nhận việc anh U, chị H vay tiền của ông. Khi ông yêu cầu anh U, chị H trả lại tiền vốn vay thì hai người hứa hẹn nhiều lần mà không trả. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh U và chị H trả lại cho ông số tiền vốn vay 600.000.000 đồng, ông tự nguyện không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại phiên tòa ông G trình bày: Đối với khoản vay 300.000.000 đồng vào ngày 15/5/2018 âm lịch, anh U, chị H có đóng lãi cho ông được 02 tháng (đến ngày 15/7/2018 âm lịch) thì ngưng đóng cho đến nay, theo mức lãi suất 03%/tháng với số tiền lãi là 18.000.000 đồng; đối với khoản vay 300.000.000 đồng vào ngày 20/10/2018 âm lịch, anh U, chị H có đóng lãi cho ông được 01 tháng (đến ngày 20/11/2018 âm lịch) thì ngưng đóng cho đến nay, theo mức lãi suất 03%/tháng với số tiền lãi là 9.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu xem xét cân trừ số tiền lãi mà anh U và chị H đã đóng cho ông vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép vào số tiền lãi mà anh U, chị H còn nợ ông chưa đóng kể từ khi ngưng đóng lãi cho đến nay như đã nêu trên. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm, chỉ yêu cầu anh U, chị H trả lại tiền vốn gốc 600.000.000 đồng.

Theo biên bản lấy lời khai đương sự ngày 16/4/2019 và trong quá trình xét xử bị đơn anh Đặng Văn U trình bày:

Anh và vợ tên Nguyễn Thị Bích H có hỏi vay của vợ chồng ông G số tiền 600.000.000 đồng, các lần vay tiền đúng như lời trình bày của ông G. Lần đầu vào ngày 15/5/2018 âm lịch, vợ chồng anh vay số tiền 300.000.000 đồng, khi đó vợ anh là người viết tờ biên nhận vay tiền và vợ chồng anh cùng ký tên vào tờ biên nhận. Lần thứ hai vào ngày 20/10/2018 âm lịch, vợ chồng anh vay số tiền 300.000.000 đồng, anh là người viết tờ biên nhận vay tiền và có ký tên, sau đó vợ anh cũng có ký tên vào tờ biên nhận. Khi vay hai bên thỏa thuận khi nào ông G cần tiền thì thông báo cho vợ chồng anh biết trước từ 5 đến 10 ngày để sắp xếp trả tiền. Lãi suất các bên thỏa thuận là 5%/tháng, hai khoản vay nêu trên vợ chồng anh đã đóng lãi cho ông G từ khi vay đến gần tết năm 2019 thì ngưng đóng lãi cho đến nay, việc đóng lãi anh chỉ đưa tiền mặt

trực tiếp cho ông G, hai bên không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến. Nay anh đồng ý trả lại tiền vốn cho ông G và không trả tiền lãi nữa, xin được trả nợ dài hạn mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 600.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của chồng là anh Đặng Văn U và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Út N trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của chồng là ông Đặng Văn G và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn G, buộc anh Đặng Văn U và chị Nguyễn Thị Bích H trả cho ông G và vợ là bà Lê Thị Út N số tiền vốn vay 600.000.000 đồng, còn việc cản trở tiền lãi theo yêu cầu của ông G tại phiên tòa thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: theo đơn khởi kiện ông G không yêu cầu anh U và chị H trả tiền lãi còn thiếu, nhưng nay ông yêu cầu xem xét cản trở số tiền lãi anh U và chị H đã đóng cho ông vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định vào số tiền lãi mà anh U và chị H còn nợ ông chưa đóng, xem như các bên đã thực hiện xong việc trả lãi. HĐXX nhận thấy việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[2]. Qua xem xét “Giấy hỏi tiền” lập ngày 15/5/2018 âm lịch và ngày 20/10/2018 âm lịch thể hiện: anh Đặng Văn U và vợ là chị Nguyễn Thị Bích H có hỏi vay của “Bác 8” là ông Đặng Văn G lần thứ nhất là 300.000.000 đồng vào ngày 15/5/2018 âm lịch, lần thứ hai là 300.000.000 đồng vào ngày 20/10/2018 âm lịch. Phía anh U và chị H xác nhận có vay của vợ chồng ông Đặng Văn G số tiền 600.000.000 đồng theo “Giấy hỏi tiền” nêu trên. Lời thừa nhận của anh U và chị H là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Giao dịch vay tiền giữa anh U, chị H với ông G là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung thỏa thuận của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật Dân

sự 2015. Phía anh U và chị H đã nhận số tiền vốn vay của vợ chồng ông G, nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nay ông G khởi kiện yêu cầu anh U và chị H trả lại số tiền vốn vay 600.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc anh U xin trả nợ dài hạn mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng phía ông G không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh U.

[4]. Xem xét về tiền lãi của hợp đồng: Anh U và chị H trình bày hai khoản vay nêu trên đã đóng lãi cho ông G kể từ khi vay tiền đến gần tết năm 2019, theo mức lãi suất là 5%/tháng, nhưng anh chị lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, vì vậy chưa có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét xử lý. Về phía ông G xác nhận: đối với khoản tiền 300.000.000 đồng vay ngày 15/5/2018 âm lịch, anh U, chị H có đóng lãi được 02 tháng, theo mức lãi suất 03%/tháng với số tiền 18.000.000 đồng; đối với khoản tiền 300.000.000 đồng vay ngày 20/10/2018 âm lịch, có đóng lãi được 01 tháng, theo mức lãi suất 03%/tháng với số tiền 9.000.000 đồng. Đối chiếu với mức lãi suất pháp luật cho phép các bên thỏa thuận trong giao dịch là 20%/năm (là 1,66%/tháng) được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì số tiền lãi anh U và chị H đã đóng cho ông G vượt mức cho phép là 8.040.000 đồng đối với khoản vay thứ nhất và đối với khoản vay thứ hai là 4.020.000 đồng, tổng cộng là 12.060.000 đồng. Nay ông G yêu cầu căn trừ số tiền đóng lãi dư này vào khoản tiền lãi anh U, chị H chưa đóng cho ông tính từ ngày 15/7/2018 âm lịch đến nay đối với khoản vay thứ nhất và từ ngày 20/11/2018 âm lịch đến nay đối với khoản vay thứ hai. Sau khi căn trừ xem như các bên đã thực hiện xong việc trả tiền lãi, ông chỉ yêu cầu trả lại tiền vốn gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của ông G là có cơ sở và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận việc căn trừ tiền lãi, xem như các bên đã thực hiện xong việc trả lãi cho nhau, phía anh U và chị H chỉ có trách nhiệm thanh toán tiền vốn gốc cho ông G và bà N.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh U và chị H phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, với số tiền án phí là 28.000.000 đồng.

[6]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn G:

Buộc anh Đặng Văn U và chị Nguyễn Thị Bích H có trách nhiệm trả cho ông Đặng Văn G và bà Lê Thị Út N số tiền vốn vay 600.000.000 đồng (*sáu trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày ông G và bà N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng anh U và chị H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Đặng Văn U và chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí với số tiền 28.000.000 đồng (*hai mươi tám triệu đồng*), anh chị có nghĩa vụ nộp số tiền này.

Ông Đặng Văn G không phải chịu án phí, ông được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005183 ngày 05/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Nhuận